TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/10/2018
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hoàng Vũ.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Thanh Hùng;
Bà Phan Thị Bé Sáu.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Trần Minh Châu- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên toà: Không tham gia.

Vào ngày 26/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 216/2018/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018, về việc tranh chấp "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tăng Thị Thúy A, sinh năm 1989.
Địa chỉ: ấp U, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
- *Bị đơn:* Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1987.
Địa chỉ: ấp U, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/8/2018; biên bản không tiến hành hòa giải ngày 10/10/2018 và tại phiên toà chị Tăng Thị Thúy A trình bày: Chị và anh Trần Ngọc T tự tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2014, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (theo giấy chứng nhận kết hôn số: 07 ngày 10/02/2015). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, có sinh được 01 đứa con chung tên Trần Ngọc Cát T, sinh ngày 10/01/2015. Sau khi chị sinh con, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do anh T chỉ lo ăn chơi, không quan tâm đến gia đình nên vợ

chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, dẫn đến chị và anh T ly thân với nhau từ tháng 01/2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị có cho anh T cơ hội để hàn gắn lại với nhau nhưng không thành.

Nay chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trần Ngọc T.

- Về con chung: Có một con chung tên Trần Ngọc Cát T, sinh ngày 10/01/2015, hiện nay đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T theo quy định, nhưng anh T không có ý kiến gì về việc yêu cầu xin ly hôn của chị A và cũng không có mặt để tham gia hòa giải theo thông báo của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Tăng Thị Thúy A với anh Trần Ngọc T là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng trong quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến anh chị ly thân với nhau từ tháng 01/2018 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải, động viên để anh, chị hàn gắn lại với nhau, nhưng anh T không có mặt theo thông báo của Tòa án. Chứng tỏ anh T không quan tâm gì đến hôn nhân của anh và anh cũng không muốn vợ chồng hàn gắn, chung sống lại với nhau. Xét thấy, đời sống chung của anh, chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A với anh T là hoàn toàn phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị A và anh T có sinh được 01 đứa con chung tên Trần Ngọc Cát T, sinh ngày 10/01/2015, hiện nay đang sống với chị A. Tại phiên toà, chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy: từ khi chị A và anh T ly thân cho đến nay, con chung do chị A nuôi dưỡng, trong quá trình nuôi dưỡng, chị A vẫn đảm bảo cho cháu Cát T có cuộc sống ổn định, phát triển tốt, nghĩ nên tiếp tục giao cháu Cát T cho chị A nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81- Luật hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh T được quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa chị A trình bày chị và anh T không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56 và 81 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1/ Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tăng Thị Thúy A với anh Trần Ngọc T, theo giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01/2015, ngày 10/02/2015 của UBND xã A, huyện T.

2/ Về con chung:

Tiếp tục giao con chung của chị Tăng Thị Thúy A với anh Trần Ngọc T tên Trần Ngọc Cát T, sinh ngày 10/01/2015, cho chị Tăng Thị Thúy A tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Trần Ngọc T không cấp dưỡng nuôi con chung, do chị A không yêu cầu.

Anh Trần Ngọc T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về án phí:

Chị Tăng Thị Thúy A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001510 ngày 24/8/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã A;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ